

**THÔNG BÁO**  
**Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023**

**Đơn vị được xét duyệt: Trường TH Bình Trung**

**Mã chương: 622; Mã QHNS: 1128774**

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập, tổng hợp và gửi báo cáo quyết toán năm, xét duyệt, thông báo và tổng hợp quyết toán năm đối với các khoản ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao dự toán, các khoản thu hoạt động khác được để lại chi theo chế độ quy định và ngân sách cấp huyện, xã;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023 của Trường TH Bình Trung và Biên bản xét duyệt quyết toán ngày 28/5/2024 giữa Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và Trường TH Bình Trung.

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 đối với đơn vị: Trường TH Bình Trung, như sau:

**II. Nội dung xét duyệt:**

**1. Phạm vi xét duyệt:**

- Tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí năm 2023.
- Tình hình thực hiện chế độ Kế toán HCSN.
- Tình hình thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

**2. Số liệu quyết toán năm 2023:**

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Báo cáo	Quyết toán
<b>1</b>	<b>Kinh phí năm trước chuyển sang:</b>	<b>257.322.805</b>	<b>257.322.805</b>
<b>1.1</b>	<b>Dự toán ngân sách:</b>	<b>228.555.225</b>	<b>228.555.225</b>
-	Kinh phí tự chủ	186.555.225	186.555.225
+	Chi con người	186.555.225	186.555.225
+	Chi hoạt động		0
-	10% thực hiện CCTI	42.000.000	42.000.000
<b>1.3</b>	<b>Nguồn khác</b>	<b>28.767.580</b>	<b>28.767.580</b>
	Trích lập các quỹ	4.917.104	4.917.104
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	23.578.692	23.578.692
	Nguồn lãi tiền gửi	271.584	271.584
	Kinh phí dạy 2 buổi/ngày	200	200
<b>2</b>	<b>Tổng số kinh phí thực nhận trong năm:</b>	<b>6.180.734.352</b>	<b>6.180.734.352</b>

<b>2.1</b>	<b>Dự toán ngân sách:</b>	<b>6.147.729.000</b>	<b>6.147.729.000</b>
-	Kinh phí tự chủ	4.860.499.000	4.860.499.000
+	<i>Chi con người</i>	4.411.219.000	4.411.219.000
+	<i>Chi hoạt động</i>	449.280.000	449.280.000
-	Kinh phí CCTL	422.202.000	422.202.000
-	Kinh phí không tự chủ	865.028.000	865.028.000
+	<i>Kinh phí dạy học sinh khuyết tật</i>	73.937.000	73.937.000
+	<i>Chi mua sắm tài sản</i>	741.238.000	741.238.000
+	<i>kinh phí tăng tiết</i>	20.153.000	20.153.000
+	<i>Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập</i>	29.700.000	29.700.000
<b>2.2</b>	<b>Nguồn khác</b>	<b>33.005.352</b>	<b>33.005.352</b>
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	32.862.897	32.862.897
	Nguồn lãi tiền gửi	142.455	142.455
<b>3</b>	<b>Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm:</b>	<b>6.438.057.157</b>	<b>5.973.855.157</b>
<b>3.1</b>	<b>Dự toán ngân sách:</b>	<b>6.376.284.225</b>	<b>5.912.082.225</b>
-	Kinh phí tự chủ	5.047.054.225	5.047.054.225
+	<i>Chi con người</i>	4.597.774.225	4.597.774.225
+	<i>Chi hoạt động</i>	449.280.000	449.280.000
-	Kinh phí CCTL	464.202.000	464.202.000
-	Kinh phí không tự chủ	865.028.000	865.028.000
+	<i>Kinh phí dạy học sinh khuyết tật</i>	73.937.000	73.937.000
+	<i>Chi mua sắm tài sản</i>	741.238.000	741.238.000
+	<i>kinh phí tăng tiết</i>	20.153.000	20.153.000
+	<i>Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập</i>	29.700.000	29.700.000
<b>3.2</b>	<b>Nguồn khác</b>	<b>61.772.932</b>	<b>61.772.932</b>
	Trích lập các quỹ	4.917.104	4.917.104
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	56.441.589	56.441.589
	Nguồn lãi tiền gửi	414.039	414.039
	Kinh phí dạy 2 buổi/ngày	200	200
<b>4</b>	<b>Tổng số kinh phí đề nghị quyết toán:</b>	<b>6.204.964.352</b>	<b>6.204.964.352</b>
<b>4.1</b>	<b>Dự toán ngân sách:</b>	<b>6.179.313.352</b>	<b>6.179.313.352</b>
-	Kinh phí tự chủ	5.019.253.946	5.019.253.946
+	<i>Chi con người</i>	4.569.973.946	4.569.973.946
+	<i>Chi hoạt động</i>	449.280.000	449.280.000
-	Kinh phí CCTL	459.317.758	459.317.758
-	Kinh phí không tự chủ	700.741.648	700.741.648
+	<i>Kinh phí dạy học sinh khuyết tật</i>	73.931.705	73.931.705

+	<i>Chi mua sắm tài sản</i>	584.638.000	584.638.000
+	<i>kinh phí tăng tiết</i>	12.471.943	12.471.943
+	<i>Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập</i>	29.700.000	29.700.000
<b>4.2</b>	<b>Nguồn khác</b>	<b>25.651.000</b>	<b>25.651.000</b>
	Trích lập các quỹ	1.793.000	1.793.000
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	23.828.000	23.828.000
	Phí tiền gửi	30.000	30.000
<b>5</b>	<b>Kinh phí còn lại chuyển năm sau</b>	<b>68.806.453</b>	<b>68.806.453</b>
<b>5.1</b>	<b>Dự toán ngân sách:</b>	<b>32.684.521</b>	<b>32.684.521</b>
-	Kinh phí tự chủ	32.684.521	32.684.521
+	<i>Chi con người</i>	27.800.279	27.800.279
+	<i>Chi hoạt động</i>	0	0
-	Kinh phí CCTL	4.884.242	4.884.242
<b>5.2</b>	<b>Nguồn khác</b>	<b>36.121.932</b>	<b>36.121.932</b>
	Trích lập các quỹ	3.124.104	3.124.104
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	32.613.589	32.613.589
	Phí tiền gửi	384.039	384.039
	Kinh phí dạy 2 buổi/ngày	200	200
<b>6</b>	<b>Kinh phí dự toán chưa sử dụng còn lại tại Kho bạc (Hủy dự toán)</b>	<b>164.286.352</b>	<b>164.286.352</b>
<b>6.1</b>	<b>Dự toán ngân sách:</b>	<b>164.286.352</b>	<b>164.286.352</b>
-	Kinh phí không tự chủ	164.286.352	164.286.352
+	<i>Kinh phí dạy học sinh khuyết tật</i>	5.295	5.295
+	<i>Chi mua sắm tài sản</i>	156.600.000	156.600.000
+	<i>kinh phí tăng tiết</i>	7.681.057	7.681.057
<b>7</b>	<b>Kinh phí chi không đúng quy định</b>		<b>0</b>

(Chi tiết có phụ lục số 03a, mẫu biểu 3b kèm theo)

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không có

4. Thuyết minh số liệu quyết toán: Chênh lệch giữa số liệu quyết toán hoặc thẩm định với số liệu báo cáo của đơn vị được xét duyệt hoặc thẩm định: Không.

### III. Nhận xét:

#### 1. Về chấp hành thời gian nộp báo cáo quyết toán:

Đơn vị đã thực hiện lập và nộp báo cáo quyết toán năm 2023 theo đúng quy định tại Quyết định 67/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 và Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

#### 2. Về thực hiện các biểu mẫu báo cáo:

Đơn vị thực hiện theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ tài chính.

### **3. Về chấp hành các quy định của nhà nước:**

#### **3.1. Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí:**

Đơn vị lập dự toán và chấp hành dự toán đúng quy định. Theo dõi quản lý, sử dụng kinh phí các nguồn kinh phí và quyết toán kinh phí đúng thời gian quy định.

#### **3.2. Tình hình thực hiện chế độ Kế toán HCSN:**

- a. Chứng từ kế toán: Các chứng từ chi cơ bản đảm bảo đúng quy định.
- b. Hạch toán kế toán: Đơn vị hạch toán kịp thời và đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- c. Sổ sách: Đơn vị mở đầy đủ các loại sổ sách kế toán, ghi chép kịp thời và đúng nội dung.
- d. Báo cáo tài chính: Báo cáo quyết toán và tài chính năm đơn vị lập và nộp đúng thời gian quy định.

### **4. Việc triển khai thực hiện chế độ tự chủ về biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ:**

Kinh phí tự chủ: 5.478.571.704 đồng.

Kinh phí không tự chủ: 700.741.648 đồng.

Đơn vị đã lập Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công và Phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm chi và đã gửi Phòng Tài chính-KH theo dõi, KBNN kiểm soát chi.

Trong năm 2023, đơn vị thực hiện tốt Phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm chi nên đã chi tăng thêm thu nhập cho cán bộ, giáo viên trong đơn vị số tiền 7.245.145 đồng.

### **5. Việc công khai hồ sơ theo quy định:**

#### **5.1. Về công khai dự toán, thực hiện dự toán năm 2023:**

Đơn vị đã thực hiện công khai dự toán năm 2023 theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

#### **5.2. Về công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022:**

Đơn vị thực hiện công khai quyết toán năm 2022 theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

#### **5.3. Về công khai mua sắm năm 2023:**

Đơn vị đã thực hiện công khai mua sắm theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư 144/2017/QQ-BTC ngày

29/12/2017 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

#### **5.4. Công khai Chương trình, báo cáo thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2023:**

Đơn vị đã thực hiện công khai Chương trình, báo cáo thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2023 theo quy định Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ.

#### **5.5. Công khai thu chi tài chính theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017:**

Đơn vị đã thực hiện công khai thu chi tài chính theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017, hình thức công khai tại bảng thông báo của nhà trường.

#### **5.6. Công khai Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023**

Đơn vị đã thực hiện công khai Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư 144/2017/QQ-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

### **IV. Kiến nghị:**

1. Số kinh phí đơn vị còn lại cuối năm 2023 gồm:
  - Kinh phí tự chủ số tiền 32.684.521 đồng: chuyển sang năm 2024 chi lương 27.800.279 đồng, chi cải cách tiền lương số tiền 4.884.242 đồng.
  - Kinh phí không tự chủ số tiền: 164.286.352 đồng: hủy dự toán.
  - Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu số tiền: 32.613.589 đồng chuyển sang năm 2024 thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu của học sinh.
  - Kinh phí trích lập các quỹ số tiền 3.124.104 đồng chuyển sang năm 2024 chi các hoạt động của đơn vị theo quy định.
  - Kinh phí lãi tiền gửi kho bạc: 384.039 đồng chuyển sang năm 2024 chi các hoạt động của đơn vị theo quy định.
  - Kinh phí dạy 2 buổi/ngày số tiền 200 đồng, đề nghị đơn vị rà soát, nếu còn nhiệm vụ chi thì thực hiện và chuyển trả cho các đơn vị có liên quan, nếu hết nhiệm vụ chi thì nộp vào ngân sách huyện.

2. Đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện tốt quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021. Kinh phí chi tự chủ tiết kiệm được đơn vị sử dụng theo thứ tự ưu tiên quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021. Thủ trưởng

đơn vị quyết định phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm nêu trên theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.

Trên đây là thông báo kết quả xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 đối với đơn vị: Trường TH Bình Trung./.

***Nơi nhận:***

- Trường TH Bình Trung;
- Phòng Tài chính-KH huyện;
- Lãnh đạo Phòng;
- Lưu VT, (hoaiet).

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Đinh Hùng Cường**